

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: 58/2022/HS- ST

Ngày 23/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Quỳnh và bà Cao Thị Hưng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Đông Hưng; Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2022/TLST- HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST - HS ngày 08/8/2022 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/10/1987. Tên gọi khác: Không. Giới tính : Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn KN, xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ Nguyễn Văn T3, (đã chết) mẹ đẻ : Phạm Thị H2, Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 02. Quyết định số 42/2016/QĐ-TA ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn T1, thời hạn 15 tháng. T1 chấp hành xong ngày 29/9/2017.

Quyết định số 25/2019/QĐ-TA ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn T1, thời hạn 18 tháng do T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 12/9/2019. T1 chấp hành xong ngày 05/5/2021.

Nhân thân: Ngày 05/4/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt Nguyễn Văn T1 42 tháng tù về tội Cướp tài sản theo bản án số

09/2005/HSST ngày 05/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Bản án đã được xóa án tích.

Ngày 14/12/2009 Nguyễn Văn T1 bị Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng do có hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND.

Ngày 19/4/2022, T1 có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện QP, Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quyết định số 145/QĐ-XPHC ngày 10/5/2022

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng.

(Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

1. Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn Phú Xuân, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB.

3. Ông Đoàn Sỹ P, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện ĐH, TB.

4. Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB.

5. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB.

6. Ông Phan Tiến N, sinh năm 1970,

Địa chỉ: Thôn VN, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Có mặt bà V1 còn lại đều vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Bà Phí Thị M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn NR, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn KN, xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB.

3. Chị Nguyễn Thị V2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn NHĐ, xã SH, huyện TT, TB.

4. Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn HN, xã SH, huyện TT, TB.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T1 là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Do không có tiền chi tiêu và sử dụng ma túy, nên T1 đã nảy sinh ý định trộm

cấp tài sản là xe lôi của người dân trên địa bàn huyện ĐH để bán cho các cửa hàng thu mua phế liệu để lấy tiền. Theo đó, T1 đã sử dụng xe mô tô Honda Vision màu đỏ đen, BKS 17B7-003.15 đi tìm những nơi có sơ hở để thực hiện 06 vụ trộm cắp xe lôi trên địa bàn huyện ĐH. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 14h ngày 16/4/2022, T1 điều khiển xe mô tô Vision đi từ nhà đến xã Đ, huyện ĐH để trộm cắp xe lôi. T1 đi trên các trục đường thôn của xã khoảng 15 phút thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,5x0,8x0,4)m của chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980, trú tại thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH để ở sân trước cửa nhà, không có người trông coi, cổng chỉ cài then không khóa, nên T1 đã dừng xe ở trước cổng rồi đi bộ vào sân dắt chiếc xe lôi ra đường. Sau đó, tay phải T1 điều khiển xe máy, tay trái kéo theo chiếc xe lôi đi ra Quốc lộ 39 đi về xã SH, huyện TT tìm chỗ bán. Khi thấy cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị V2, sinh năm 1980, trú tại thôn NHĐ, xã SH, huyện TT ở ven đường thì T1 mang chiếc xe lôi vào bán, T1 nói với chị V2 đây là xe lôi của gia đình, không còn nhu cầu sử dụng nên bán, chị V2 đồng ý mua với giá 360.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14 ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,5x0,8x0,4)m đã qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Vụ thứ 2: Chiều ngày 16/4/2022, sau khi bán được chiếc xe lôi của chị H1, T1 tiếp tục điều khiển xe đi về xã Đ để trộm cắp. T1 đi trên các trục đường thôn của xã khoảng 10 phút thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,2x0,8x0,4)m của bà Bùi Thị L1, sinh năm 1952, trú tại thôn Phú Xuân, xã Đ, huyện ĐH để ở sân trước cửa nhà không có người trông coi, cổng không khóa chỉ cài then, nên T1 đã dừng xe ở trước cổng rồi đi bộ vào sân dắt chiếc xe lôi ra đường. Sau đó, tay phải T1 điều khiển xe máy, tay trái kéo theo chiếc xe lôi đi ra Quốc lộ 39 rồi đi tới cửa hàng thu mua phế liệu của chị Phạm Thị T2, sinh năm 1977, trú tại thôn HN, xã SH, huyện TT để bán, T1 nói với chị T2 đây là xe lôi của gia đình, không còn nhu cầu sử dụng nên bán, chị T2 đồng ý mua với giá 380.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14, ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,2x0,8x0,4)m đã

qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 3: Khoảng 14h30 ngày 17/4/2022, T1 điều khiển xe máy Vision đi từ nhà đến xã Đ, huyện ĐH để trộm cắp xe lôi. T1 đi trên các trục đường thôn của xã thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xanh, kích thước xe (1,9x0,7x0,6)m của ông Đoàn Sỹ P, sinh năm 1951, trú tại thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH để ở lối đi ra vườn phía sau nhà ông P không có người trông coi, cổng không khóa chỉ cài then nên T1 đã dừng xe ở trước cổng rồi đi bộ vào sân đất chiếc xe lôi ra đường. Sau đó, tay phải T1 điều khiển xe máy, tay trái kéo theo chiếc xe lôi đi ra Quốc lộ 39 đi về cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị V2, sinh năm 1980, trú tại thôn NHĐ, xã SH, huyện TT để bán, T1 nói với chị V2 đây là xe lôi của gia đình, không còn nhu cầu sử dụng nên bán, chị V2 đồng ý mua với giá 320.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13, ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xanh, kích thước xe (1,9x0,7x0,6)m đã qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 4: Chiều ngày 17/4/2022, sau khi bán được chiếc xe lôi của ông P, T1 tiếp tục điều khiển xe đi về xã Đ để trộm cắp, T1 đi trên các trục đường thôn của xã một lúc thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,5x0,7x0,35)m của bà Phạm Thị L2, sinh năm 1958, trú tại thôn H, xã Đ, huyện ĐH để ở sân lối đi vào nhà, cổng mở nên T1 đã dừng xe ở trước cổng rồi đi bộ vào sân đất chiếc xe lôi ra ngoài. Khi đang dắt chiếc xe lôi ra đến cổng thì T1 bị bà L2 và bà Phí Thị M, sinh năm 1970, trú tại thôn NR, xã ĐQ, huyện ĐH phát hiện. Thấy vậy, T1 nói “Cháu mượn xe lôi để chở đồ” nhưng bà L2 giữ lại, nên T1 đã để chiếc xe lôi lại và lên xe máy chạy trốn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13, ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,5x0,7x0,35)m đã qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 5: Cùng chiều ngày 17/4/2022, sau khi không trộm cắp được xe lôi của bà L2, T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô Vision đi trên các trục đường thôn của xã Đ để trộm cắp xe lôi. Khoảng 20 phút sau thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn

màu xám, kích thước xe (1,5x0,8x0,4)m của bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1958, trú tại thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH để ở ngõ sát cổng nhà bà V1, khu vực này vắng người, nên T1 đã dừng xe rồi xuống lấy trộm. Sau đó, tay phải T1 điều khiển xe máy, tay trái kéo theo chiếc xe lôi đi ra trục Quốc lộ 39 đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Phạm Thị T2, sinh năm 1977, trú tại thôn HN, xã SH, huyện TT để bán, T1 nói với chị T2 đây là xe lôi của vợ, do trót chơi bởi cần tiền nên mang đi bán, chị T2 đồng ý mua với giá 360.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13, ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, xung quanh xe được bọc kín bằng tôn màu xám, kích thước xe (1,5x0,8x0,4)m đã qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 6: Khoảng 15h ngày 18/4/2022, T1 điều khiển xe mô tô Vision đi từ nhà đến xã ĐT, huyện ĐH để trộm cắp xe lôi. T1 đi trên các trục đường thôn của xã thì thấy 01 chiếc xe lôi loại xe 03 bánh, khung xe được làm bằng tuýp sắt, không bọc tôn, kích thước xe (1,8x1,2x0,8)m của ông Phan Tiến N, sinh năm 1970, trú tại thôn VN, xã ĐT để ở sân cạnh vườn không có người trông coi, cổng chỉ cài then không khóa nên T1 đã dừng xe ở trước cổng rồi đi bộ vào sân kéo chiếc xe lôi ra đường. Sau đó, tay phải T1 điều khiển xe máy, tay trái kéo theo chiếc xe lôi đi ra Quốc lộ 39 đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Phạm Thị T2, sinh năm 1977, trú tại thôn HN, xã SH, huyện TT để bán, T1 nói với chị T2 đây là xe lôi của dì T1, không còn nhu cầu sử dụng nên bán, chị T2 đồng ý mua với giá 400.000 đồng. Sau đó, T1 sử dụng hết số tiền này vào việc chi tiêu cá nhân. Sau khi phát hiện mất chiếc xe lôi, sáng ngày 19/4/2022, ông N đi các cửa hàng thu mua phế liệu tìm xe thì thấy chiếc xe lôi của mình ở cửa hàng của chị T2, nên đã vào gặp chị T2 chuộc lại chiếc xe trên với số tiền 300.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14, ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe lôi loại 3 bánh, khung bằng kim loại, không bọc tôn, kích thước xe (1,8x1,2x0,8) m đã qua sử dụng, tính đến thời điểm bị xâm hại trị giá 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T1, nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản, tài liệu gì.

Về việc thu giữ đồ vật ,vật chứng: Chiếc xe mô tô Vision màu đỏ đen biển kiểm soát 17B7-003.15 mà T1 sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của bà Phạm Thị H2 (mẹ đẻ T1), khi T1 lấy xe đi trộm cắp tài sản bà H2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà H2..

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị H1, bà Bùi Thị L1, ông Đoàn Sỹ P, bà Nguyễn Thị V1 yêu cầu T1 phải bồi thường giá trị chiếc xe lôi mà các ông, bà bị mất theo kết luận định giá tài sản.

Ông Phan Tiến N đã bỏ ra số tiền 300.000 đồng để chuộc lại chiếc xe lôi bị mất tại cửa hàng thu mua phế liệu, ông yêu cầu T1 phải bồi thường số tiền 300.000 đồng mà ông đã bỏ ra.

Chị T2 bỏ ra 400.000 đồng mua 01 xe lôi mà T1 trộm cắp của ông N, nhưng cho ông N chuộc lại với giá 300.000 đồng. Nay chị T2 không có yêu cầu gì về số tiền chênh lệch 100.000 đồng đã bỏ ra mua xe của T1, bà L2 đã nhận lại xe còn nguyên vẹn không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa T1 đã tác động gia đình bồi thường cho bà Nguyễn Thị V1 sinh năm 1958 ở thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB số tiền 1.200.000 đồng trị giá chiếc xe lôi mà T1 trộm cắp của bà V1. Bà V1 đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào nữa và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo. Cáo trạng số 50/CT - VKSDH ngày 08/7/2022 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 50/CT- VKSDH, đồng thời đề nghị HĐXX xử bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội: “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 01(một) năm - 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Thị H1 số tiền 1.000.000 đồng bà Bùi Thị L1 số tiền 1.200.000 đồng, ông Đoàn Sỹ P số tiền 1.500.000 đồng, là trị giá 03 chiếc xe lôi bị cáo đã trộm cắp, bồi thường cho ông N số tiền 300.000 đồng ông đã bỏ ra chuộc lại xe lôi của gia đình ông bị mất từ chị T2;

Do bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1958 ở thôn ĐA, xã Đ, bà L2 và chị T2 không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể:

Trong các ngày 16, 17, 18/4/2022, Nguyễn Văn T1 đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, của các chủ sở hữu đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là

06 chiếc xe lô trên địa bàn huyện ĐH, mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của T1 giá trị tài sản đều dưới 2.000.000 đồng nhưng hành vi của T1 diễn ra thường xuyên trong thời gian ngắn tổng trị giá 6 chiếc xe lô có giá trị là 7.000.000 đồng.

Trong vụ án này Nguyễn Văn T1 còn khai nhận cùng với Phạm Văn Anh, sinh năm 1988, trú tại thôn Bắc Thịnh, xã SH, huyện TT đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc xe lô vào các ngày 03/3/2022 và 17/3/2022 trên địa bàn xã Đông PH1, xã Hà Giang, huyện ĐH sau đó mang đi bán lấy tiền và sử dụng số tiền đó để mua ma túy về sử dụng chung tại nghĩa trang xã ĐK, huyện ĐH. Giá trị các tài sản đều dưới 2.000.000 đồng, được thực hiện ở những thời điểm khác nhau và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 và Văn Anh về hành vi trộm cắp trên và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Người bị hại bà V1 trình bày: Tại phiên tòa gia đình bị cáo T1 đã bồi thường cho bà số tiền 1.200.000 đồng trị giá chiếc xe lô mà gia đình bà bị mất theo giá mà hội đồng định giá UBND huyện ĐH đã định giá, do vậy bà đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 và không yêu cầu bị cáo T1 phải bồi thường cho gia đình bà.

Những người bị hại chị H1, bà L1, ông P, bà L2, ông N vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo xin lỗi các bị hại và hứa sau khi cải tạo về sẽ lao động để lấy tiền bồi thường cho các bị hại, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của gia đình bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với cáo trạng số 50/CT-VKS ĐH ngày 08/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của những người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 22/4/2022, số 14 ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH Phù hợp với kết luận giám định số 89/KL – KTHS ngày 17/5/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Bình, phù hợp với Biên bản xác định địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản ảnh hiện trường; Sơ đồ hiện trường cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 16, 17 và 18/4/2022, Nguyễn Văn T1 đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe ô tô trên địa bàn huyện ĐH. Mặc dù mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của T1 giá trị tài sản đều dưới 2.000.000 đồng nhưng hành vi của T1 diễn ra thường xuyên trong thời gian ngắn làm làm cho quần chúng nhân dân hết sức bất bình, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn các xã Đ, ĐT của huyện ĐH.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a.....

c. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tích chất mức độ hậu quả hành vi vi phạm pháp luật, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, tuy mỗi lần trộm cắp giá trị đều dưới 2.000.000 đồng nhưng diễn ra giữa ban ngày, nhiều lần gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh, an toàn xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội cướp tài sản nhưng đã được xóa án tích, là đối tượng nghiện ma túy có 02 tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện nhưng do không từ bỏ được ma túy nên vẫn thực hiện hành vi trộm cắp lấy tiền sử dụng ma túy, do vậy việc đưa

bị cáo ra xét xử áp dụng cho một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm đồng thời mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ : Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị hại bà Nguyễn Thị V1 đã nhận tiền do gia đình bị cáo bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do là người không có thu nhập không ổn định. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố đã mất mẹ bị bệnh đi lại khó khăn, do vậy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Thị H1 số tiền 1.000.000 đồng bà Bùi Thị L1 số tiền 1.200.000 đồng, ông Đoàn Sỹ P số tiền 1.500.000 đồng, là trị giá 03 chiếc xe ô tô bị cáo đã trộm cắp, bồi thường cho ông N số tiền 300.000 đồng ông đã bỏ ra chuộc lại xe ô tô của gia đình ông bị mất từ cửa hàng thu mua phế liệu của chị T2;

Chị T2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 100.000 đồng mà chị bỏ ra mua xe của ông N, bà V1 đã nhận 1.200.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe ô tô mà gia đình bà V1 bị mất tại phiên tòa, bà L2 đã nhận lại xe nên không có yêu cầu bồi thường do vậy không đặt ra giải quyết.

[8] Về các vấn đề liên quan:

- 01 chiếc xe mô tô Vision màu đỏ đen biển kiểm soát 17B7-003.15 mà T1 sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của bà Phạm Thị H2 (mẹ đẻ T1), khi T1 lấy xe đi trộm cắp tài sản bà H2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà H2 là đúng quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này Nguyễn Văn T1 còn khai nhận cùng với Phạm Văn Anh, sinh năm 1988, trú tại thôn Bắc Thịnh, xã SH, huyện TT đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc xe ô tô vào các ngày 03/3/2022 và 17/3/2022 trên địa bàn xã Đông PH1, xã Hà Giang, huyện ĐH sau đó mang đi bán lấy tiền và sử dụng số tiền đó để mua ma túy về sử dụng chung tại nghĩa trang xã ĐK, huyện ĐH. Giá trị các tài sản đều dưới 2.000.000 đồng, được thực hiện ở những thời điểm khác nhau và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 và Văn Anh về hành vi trộm cắp trên và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các chủ cửa hàng thu mua phế liệu là chị Phạm Thị T2, chị Nguyễn Thị V2: Do khi mua xe lô và xe đẩy của T1, T1 đều nói dối về nguồn gốc của những chiếc xe này, nên chị T2, chị V2 không biết các tài sản này do T1 trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Điểm c, Khoản 1 Điều 173, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Văn T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 09/5/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho:

Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn ĐA, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB số tiền 1.000.000 đồng

Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1952; Địa chỉ: thôn Phú Xuân, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB số tiền 1.200.000 đồng,

Ông Đoàn Sỹ P, sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB số tiền 1.500.000 đồng,

Ông Phạm Tiến N sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn VN, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB số tiền 300.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1, phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị hại bà Nguyễn Thị V1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị H1, bà Bùi Thị L1, ông Đoàn Sỹ P, ông Phạm Tiến N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Bị hại
- VKSND huyện Đông Hưng
- Công An huyện Đông Hưng
- Chi cục THA Dân sự huyện Đông Hưng
- UBND xã ĐK, huyện ĐH, Tỉnh TB
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Hà Thị Nhung